

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bán án: 08/2019/HNGĐ-ST
Ngày 07 tháng 5 năm 2019
V/v: “Tranh chấp Hôn nhân và
gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm nhân dân phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Vĩnh; bà Nguyễn Thị Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Lô.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Hường - kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2019/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn D, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn G xã Đ, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1975 (vắng mặt tại phiên tòa do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). Địa chỉ : số nhà 138, ấp Hiệp Quyết, thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 01 năm 2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Văn D trình bày: anh kết hôn với chị T ngày 21 tháng 4 năm 2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn anh, chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị làm ăn chung sống ở Miền nam được một thời gian thì anh chị về xã Đức Bắc chung sống cùng gia đình anh D. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh đưa chị T về xã Đ sinh sống nhưng chị T không đồng ý và tự ý bế con bỏ đi từ đó đến nay không nói gì với gia đình. Từ khi chị T bỏ đi anh đã nhiều lần liên lạc với chị T yêu cầu chị T về để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn anh xin được ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Gia H, sinh ngày 11/8/2014. Hiện nay cháu H đang ở cùng chị T. Ly hôn anh đề chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, anh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị 2.000.000đ/tháng, cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị trình bày: chị đăng ký kết hôn với anh D tại Ủy ban nhân dân xã Đ từ năm 2014 ngày tháng cụ thể chị không nhớ, sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau và không yêu thương nhau, mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết được, đầu năm 2016 chị đã đưa con vào tỉnh Đồng Nai sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh D làm đơn xin ly hôn chị, chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đồng ý ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Gia H, sinh ngày 11/8/2014. Hiện nay cháu H đang ở cùng chị. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và đề nghị anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 2.000.000đ/tháng, cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Lê Văn D giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 quy định về Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử cho anh Lê Văn D được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh T; giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Gia H, sinh ngày 11/8/2014, anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T là 2.000.000đ/tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi; về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con anh Lê Văn D phải chịu theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: anh D khởi kiện chị T tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình. Anh D có quyền khởi kiện yêu cầu ly hôn chị T. Bị đơn chị T đồng ý lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Sông Lô giải quyết vụ án và được nguyên đơn đồng ý nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Sông Lô. Các đương sự tham gia tố tụng đảm bảo năng lực pháp luật tố tụng dân sự và năng lực hành vi tố tụng dân sự. Từ những cơ sở trên, Hội đồng

xét xử xác định thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo theo các quy định tại các Điều 28, 39, 69, 186 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh D với chị T là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Bắc, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 21/4/2010. Quá trình chung sống anh, chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không có tình cảm và không hợp nhau nên không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2016 đến nay. Sau khi chị T bỏ vào tỉnh Đồng Nai làm ăn, anh D đã nhiều lần gọi điện cho chị T để vợ chồng về đoàn tụ chung sống nhưng chị T không đồng ý. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án báo gọi cũng như thông báo về phiên họp và hòa giải cho anh chị, chị T đều nhận được thông báo của Tòa án nhưng do ở xa chị không về được chị đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị. Tại bản tự khai ngày 08/3/2019 chị T đồng ý ly hôn với anh D. Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D, cho anh Lê Văn D được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh T.

Về con chung: Hai vợ chồng đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Gia H, sinh ngày 11/8/2014. Hiện nay cháu H đang ở cùng chị T. Xét đề nghị xin nuôi con của chị T thấy rằng nguyện vọng của chị T là chính đáng và để đảm bảo quyền lợi cho cháu H thì Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu H ở với chị T từ nhỏ. Anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T là 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công sức: Anh chị không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: anh Lê Văn D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 quy định về Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn D.

Xử cho anh Lê Văn D được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh T.

2. Xử về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Gia H, sinh ngày 11/8/2014. Hiện nay cháu H đang ở cùng chị T. Anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T là

2.000.000đ/tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn việc thăm nom con không ai được cản trở.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Lê Văn D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn nhưng được trừ số tiền 300.000đ anh D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001440 ngày 25/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Anh D phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Sông Lô;
- THA huyện Sông Lô;
- Đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã ký)

Trần Quốc Hồng

